

Chi tiết mã HS 6305

Mã HS	6305
Mô tả hàng hóa	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng
Đơn vị	
Thời điểm tạo	01/11/2026 12:27:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/6305/

17 dòng thuế thuộc 6305

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
6305.10.11	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng / - Từ dây hoặc các loại xơ libe dệt khác thuộc nhóm 53.03: / - - Mới: / - - - Từ dây	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6305.10.19	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng / - Từ dây hoặc các loại xơ libe dệt khác thuộc nhóm 53.03: / - - Mới: / - - - Loại khác	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6305.10.21	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng / - Từ dây hoặc các loại xơ libe dệt khác thuộc nhóm 53.03: / - - Đã qua sử dụng: / - - - Từ dây	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6305.10.29	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng / - Từ dây hoặc các loại xơ libe dệt khác thuộc nhóm 53.03: / - - Đã qua sử dụng: / - - - Loại khác	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6305.20.00	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng / - Từ bông	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6305.32.10	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng / - Từ vật liệu dệt nhân tạo: / - - Túi, bao đựng hàng loại lớn có thể gấp, mở linh hoạt: / - - - Từ vải không dệt	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6305.32.20	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng / - Từ vật liệu dệt nhân tạo: / - - Túi, bao đựng hàng loại lớn có thể gấp, mở linh hoạt: / - - - Dệt kim hoặc móc	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6305.32.90	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng / - Từ vật liệu dệt nhân tạo: / - - Túi, bao đựng hàng loại lớn có thể gấp, mở linh hoạt: / - - - Loại khác	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
6305.33.10	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng / - Từ vật liệu dệt nhân tạo: / - - Loại khác, từ dải polyetylen hoặc dải polypropylen hoặc dạng tương tự: / - - - Dệt kim hoặc móc	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6305.33.20	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng / - Từ vật liệu dệt nhân tạo: / - - Loại khác, từ dải polyetylen hoặc dải polypropylen hoặc dạng tương tự: / - - - Bằng sợi dệt dạng dải hoặc tương tự	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6305.33.90	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng / - Từ vật liệu dệt nhân tạo: / - - Loại khác, từ dải polyetylen hoặc dải polypropylen hoặc dạng tương tự: / - - - Loại khác	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6305.39.10	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng / - Từ vật liệu dệt nhân tạo: / - - Loại khác: / - - - Từ vải không dệt	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6305.39.20	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng / - Từ vật liệu dệt nhân tạo: / - - Loại khác: / - - - Dệt kim hoặc móc	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6305.39.90	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng / - Từ vật liệu dệt nhân tạo: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6305.90.10	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng / - Từ các vật liệu dệt khác: / - - Từ gai dầu thuộc nhóm 53.05	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6305.90.20	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng / - Từ các vật liệu dệt khác: / - - Từ dừa (xơ dừa) thuộc nhóm 53.05	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6305.90.90	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng / - Từ các vật liệu dệt khác: / - - Loại khác	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.